

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *0510* /LĐBD-HCNS
V/v: công bố thông tin

Vũng Tàu, ngày *05* tháng *9* năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên công ty: Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

Mã chứng khoán: POS

Trụ sở chính: Cảng Hạ Lưu PTSC, số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu

Điện thoại: 064 – 3515758

Fax: 064 – 3515759

Người thực hiện công bố thông tin: ông Dương Hùng Văn

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2016.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin *Dương*



Dương Hùng Văn

Nơi nhận:

- Như trên; *[Signature]*
- HĐQT, BKS (để b/cáo);
- Website www.pos.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT, HD (04).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH VÀ
BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo: 2016

Seal



MỤC LỤC

I. Thông tin chung	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	5
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
4. Định hướng phát triển	5
5. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm	7
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	7
2. Tổ chức và nhân sự	10
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	18
4. Tình hình tài chính.....	18
a) Tình hình tài chính.....	18
b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
a) Cổ phần:	19
b) Cơ cấu cổ đông:	19
c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.....	19
d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:Không có.	19
e) Các chứng khoán khác:Không có.	19
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	19
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
2. Tình hình tài chính.....	21
a) Tình hình tài sản.....	21
b) Tình hình nợ phải trả.....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	22
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	22
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có	23
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường:	23
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	23
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	23
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:.....	24
V. Quản trị công ty	25
1. Hội đồng quản trị	25
a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị	25
b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.....	25
c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:.....	25

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.....	26
e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:.....	26
2. Ban Kiểm soát.....	26
a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.....	26
b) Hoạt động của Ban kiểm soát:	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	27
a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích	27
b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.....	28
c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có	28
d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:	28
VI. Báo cáo tài chính	28
1. Ý kiến kiểm toán.....	28
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:.....	28
Chi tiết như Phụ lục đính kèm.	28
VII. Phụ lục.....	28
1. Sơ đồ tổ chức	28
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016	28

Handwritten signature

3500
 CÔNG
 Ô P
 ÁP B
 CÔNG
 KHÍ
 TS
 T. BÀ

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500818790 (Đăng ký lần đầu ngày 05/10/2007, Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/01/2015), của Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- Vốn điều lệ: 400.000.000.000 VNĐ (Bốn trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 852.128.202.283 VNĐ.
- Địa chỉ: Cảng Hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.
- Số điện thoại: 064.3515758.
- Số fax: 064.3515759.
- Website: www.pos.ptsc.com.vn
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Ngày 28/9/2007, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí đã ban hành quyết định số 253/QĐ DVKT-HĐQT về việc thành lập mới Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC, tên giao dịch tiếng Anh là PTSC Offshore Services (POS), với các chức năng và nhiệm vụ được tách ra từ Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Khai thác Dầu khí, nhằm mục đích tập trung phát triển mạnh và chuyên nghiệp hóa trong việc cung cấp các loại hình Dịch vụ Kỹ thuật dầu khí của Tổng Công ty PTSC cho các Công ty Dầu khí trong và ngoài nước.
 - + Ngày 01/01/2011, thực hiện chủ trương tái cơ cấu của Tổng Công ty PTSC, Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC chính thức chuyển đổi và hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần và đổi tên thành Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (Công ty LĐBD).
 - + Ngày 16/5/2013, UBCKNN đã ban hành công văn số 1951/UBCK-QLPH về việc chấp thuận hồ sơ công ty đại chúng của Công ty LĐBD.
 - + Năm 2016, Công ty hoàn thành việc đăng ký cổ phiếu Công ty LĐBD vào giao dịch trên thị trường Upcom – Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 21/11/2016, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội đã có công văn số 1210/TB-SGDHN về việc Thông báo ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của CTCP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
- Các sự kiện khác:
 - + Năm 2009 đưa vào sử dụng Xưởng CKBD của LĐBD với diện tích 11,462 m², tổng vốn đầu tư hơn 47 tỷ VND với các trang thiết bị, máy móc hiện đại, có thể sửa chữa, bảo dưỡng và cung cấp các dịch vụ hoán cải, nâng cấp, chế tạo các cấu kiện có kết cấu lên đến 500 tấn.
 - + Năm 2010 Công ty LĐBD tiếp nhận Sà lan 300 chỗ ở PTSC Offshore 1 (POS1). POS1 là sà lan không tự hành hiện đại được đóng mới và hạ thủy cuối năm 2009

187
C
T
H
V
C
H
I
E
N
C
H
A

với tổng giá trị 30 triệu USD. Sà lan có chiều dài 111.56m, chiều rộng 31.70 m, chiều cao mạn 7.31m, mớn nước 4.50 m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn.

- + Năm 2010 Công ty LDBD tiếp nhận Sà lan vận chuyển 5000 tấn PTSC 01, có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

– Ngành nghề kinh doanh theo Giấy đăng ký kinh doanh:

- + Xây dựng các công trình công nghiệp dầu khí, mã ngành 4290.
- + Chuẩn bị mặt bằng, thi công san lấp mặt bằng, mã ngành 4312.
- + Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử các công trình dầu khí; Dịch vụ di dời và thu dọn mỏ sau khi kết thúc chu kỳ khai thác ngoài biển; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí; Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng; Quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp sà lan nhà ở và các phương tiện nổi. Mã ngành 0910.
- + Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng; Dịch vụ cho thuê lại lao động. Mã ngành 7830.
- + Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng, lắp đặt, đấu nối, chạy thử. Mã ngành 5210.
- + Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Mã ngành 4659.
- + Sửa chữa thiết bị khác. Mã ngành 3310.
- + Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Mã ngành 4329.

– Địa bàn kinh doanh: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty Cổ phần
- Cơ cấu bộ máy quản lý Phụ lục Sơ đồ Tổ chức Công ty đính kèm.

4. Định hướng phát triển

– Mục tiêu hoạt động chủ yếu của Công ty:

- + Xây dựng PTSC Offshore Services trở thành Công ty hàng đầu trong lĩnh vực vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử và vận hành, bảo dưỡng các công trình dầu khí tại Việt Nam. Phần đầu tốc độ tăng trưởng > 5%/ năm, Tỷ suất lợi nhuận/vốn đạt > 10%/năm. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh;
- + Tạo công ăn việc làm cho người lao động;
- + Không ngừng nâng cao lợi ích của cổ đông;
- + Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.

– Mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017: Phần đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu sau:

- ✓ Doanh thu **745,67 tỷ VNĐ**
- ✓ Lợi nhuận trước thuế: **7,20 tỷ VNĐ**

10 - C
HÀNH
RINH
VUNG T

✓ Nộp Ngân sách nhà nước: 38,24 tỷ VNĐ

– Chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh đến năm 2025, định hướng đến 2035:

• **Dịch vụ lắp đặt công trình dầu khí:** Khai thác tối đa mọi nguồn lực có sẵn duy trì thực hiện tốt các dự án vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí ngoài biển cũng như trên đất liền; hợp tác với các nhà thầu nước ngoài để thực hiện các dự án lắp đặt công trình dầu khí và công trình công nghiệp, công trình ngầm; đầu tư nâng cao năng lực phương tiện thiết bị, chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân lực và năng lực quản lý của Công ty để tiến tới tự đảm nhận thực hiện trọn gói các dự án lắp đặt, đấu nối chạy thử, hoán cải, thu dọn mỏ cho các công trình dầu khí trên biển và đất liền. Phần đầu đến năm 2025 – 2035 chiếm lĩnh 100% thị trường dịch vụ này tại Việt Nam.

• **Dịch vụ O&M:** Phát triển bền vững, đứng đầu dịch vụ vận hành và bảo dưỡng cho các công trình dầu khí và công nghiệp ngoài biển và trên đất liền, đủ năng lực cạnh tranh với các nhà thầu trên thế giới; tăng cường hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước mở rộng thị phần dịch vụ đặc biệt chú trọng đến các công trình dầu khí trên đất liền như: nhà máy chế biến khí, nhà máy điện, nhà máy lọc dầu, nhà máy đạm, hóa chất tại Việt Nam. Phần đầu tốc độ tăng trưởng hàng năm tăng ổn định ít nhất 05%/năm.

• **Dịch vụ mới:** Nghiên cứu, xây dựng, phát triển những loại hình dịch vụ có đặc thù có mối liên hệ mật thiết với 2 loại hình dịch vụ chính và chiếm tỷ trọng cao về doanh thu, lợi nhuận của Công ty trong tương lai như: phá dỡ, di dời, hoán cải các công trình dầu khí...

– Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:

- + Duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường theo các tiêu chuẩn 9001:2008; ISO 14001:2004; OHSAS 18001:2007; ISO/IEC 17025:2005; ISM và ISPS, tiêu chuẩn ASME cho đầu U, S và R, MLC 2006.
- + Không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn mất thời gian làm việc (LTI), sự cố gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, sức khỏe người lao động, đảm bảo không có trường hợp nào mắc bệnh nghề nghiệp và chỉ tiêu môi trường vượt quá tiêu chuẩn Việt Nam.
- + Thực hiện tốt công tác phân phối tiền lương, tiền thưởng, công tác mua BHXH, BHCN, BHYT... và các chế độ chính sách theo các qui định hiện hành của Tổng Công ty, Công ty và pháp luật Nhà nước nhằm đảm bảo an sinh xã hội, quyền lợi cho người lao động trong quá trình làm việc tại Công ty.
- + Tiếp tục hưởng ứng, phát huy các công tác đoàn thể, các phong trào đền ơn đáp nghĩa, vì người nghèo, từ thiện, giúp đỡ các gia đình khó khăn...

5. Các rủi ro

– Dự báo giá dầu trong năm 2017, 2018 vẫn còn thấp dưới giá thành khai thác, dẫn đến các dự án phát triển mỏ, dự án xây lắp công trình dầu khí ngoài khơi ở Việt Nam tiếp tục tạm dừng hoặc giãn tiến độ.

- Công tác phát triển thị trường ra nước ngoài gặp một số khó khăn, trở ngại lớn do: các chính sách bảo hộ của nước chủ nhà, công tác hậu cần, các vấn đề về chế độ chính sách khi đưa người lao động làm việc tại nước ngoài...
- Các thiết bị, phương tiện, đặc biệt là phương tiện hàng hải phục vụ xây lắp công trình biển vẫn còn thiếu ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Công ty thường xuyên thực hiện các dự án ngoài biển nên các yếu tố về thời tiết có ảnh hưởng rất lớn. Trong mùa biển động, việc thi công ngoài biển gặp rất nhiều khó khăn, dẫn đến tiến độ công việc bị ảnh hưởng.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2016 Công ty LDBD đạt tổng doanh thu là 1.893,09 tỷ VNĐ, Lợi nhuận trước thuế đạt 77,46 tỷ VNĐ, cụ thể như sau:

1.1. Dịch vụ xây lắp công trình biển và trên bờ

- Doanh thu từ dịch vụ xây lắp công trình biển năm 2016 là 1.243,25 tỷ VNĐ, chiếm 65,67% tổng doanh thu (1.893,09 tỷ VNĐ). Ngoài ra doanh thu từ dịch vụ xây lắp công trình trên bờ năm 2016 đạt 143,87 tỷ VNĐ, chiếm 7,59% tổng doanh thu (1.893,09 tỷ VNĐ). Kết quả thực hiện các dự án như sau:
- **Các dự án và công việc đã hoàn thành:** Trong năm 2016, Công ty đã hoàn thành 3 dự án cho các khách hàng, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án
1	Cung cấp sà lan và tàu kéo vận chuyển hai module FPSO từ VT sang Singapore cho KH Baron & Baron Pte Ltd.
2	Tháo dỡ, vận chuyển và tái lắp đặt hệ thống giàn FPU DH01 và phao Calm.
3	Cung cấp sà lan vận chuyển S5, S6 cho dự án P7, P8 cho KH Tan Cang Offshore Services JSC

- **Các dự án chuyển tiếp từ năm 2016 tiếp tục thực hiện trong năm 2017:** Bao gồm 5 dự án, cụ thể như sau:

STT	Tên dự án
1	Cung cấp nhân lực thiết bị vật tư cho dự án Badamyar cho KH Hyundai (HHI).
2	Cung cấp dịch vụ đấu nối cho giàn FMB cho khách hàng Technip.
3	Cung cấp dịch vụ chạy thử trên bờ giàn ST-PIP và đấu nối chạy thử ngoài biển giàn ST-PIP & ST-LQ – dự án Sư Tử Trắng Full field Development Phase 1 Project.
4	Cung cấp vật tư, thi công, lắp đặt thiết bị & đường ống cho Dự án GPPCM
5	Cung cấp nhân lực thiết bị vật tư cho dự án Badamyar cho KH Hyundai (HHI).

1.2. Dịch vụ O&M

- Doanh thu từ dịch vụ này năm 2016 là 473,65 tỷ VNĐ, chiếm 25,02 % tổng doanh thu (1.893,09 tỷ VNĐ), đạt 122,39 % so với kế hoạch (387 tỷ VNĐ). Tình hình thực hiện dịch vụ O&M trong năm 2015 cụ thể như sau:

TT	Tên Dịch vụ O&M	Nội dung thực hiện	Kết quả
1	Các Hợp đồng bảo dưỡng cho các Khách hàng	Triển khai thực hiện tốt dịch vụ O&M đáp ứng yêu cầu của các khách hàng như BSR, TNK, PCVL, CLJOC, PVEP POC, KNOC, BD POC	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
2	Hợp đồng cung cấp nhân lực dài hạn	Cung cấp nhân lực theo HĐ dài hạn cho các khách hàng JVPC (71 nhân sự O&M trực tiếp vận hành giàn Rạng Đông); KNOC (53 nhân sự trực tiếp vận hành giàn Rồng Đồi); Cửu Long JOC (06 nhân sự làm việc trên giàn CNTT mở STV); Rosneft (03 nhân sự làm việc trên giàn Lan Tây); PVEP POC (03 nhân sự làm việc trên giàn SDA)	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng
3	Hợp đồng cung cấp nhân lực ngắn hạn	Trong năm 2016 L&BD đã cung cấp trên 2.000 lượt nhân sự tham gia dịch vụ ngắn hạn cho các khách hàng CLJOC, BDPOC, LSJOC ... và cho các dự án XLCTB của Công ty	Thực hiện liên tục trong năm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Khách hàng

1.3. Tình hình quản lý, khai thác và sử dụng các phương tiện nổi:

- **Sà lan nhà ở PTSC Offshore I:** Trong năm 2016, số ngày làm việc của POS 1 đạt 255 ngày / 195 ngày (theo kế hoạch), đạt tỷ lệ 130,77%. POS 1 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án POS1 thực hiện	Ngày onhire (Ngày bắt đầu DA)	Ngày offhire (Ngày kết thúc DA)	Số ngày huy động	Ghi chú
1	Phục vụ dự án Badamyar cho khách hàng HHI/TOTAL giai đoạn 1	01/1/2016	02/6/2016	154	Hoạt động tại mỏ Yanada, Myanmar
2	Phục vụ dự án Badamyar cho khách	23/9/2016	31/12/2016	101	Hoạt động tại mỏ Yanada,

TT	Tên dự án POS1 thực hiện	Ngày onhire (Ngày bắt đầu DA)	Ngày offhire (Ngày kết thúc DA)	Số ngày huy động	Ghi chú
	hàng HHI/TOTAL giai đoạn 2				Myanmar
Tổng số ngày khai thác				255	

- **Sà lan vận chuyển PTSC 01:** Số ngày làm việc của PTSC 01 trong năm 2016 đạt 112 ngày. PTSC 01 đã hoàn thành các công tác, công việc của các dự án như sau:

TT	Tên dự án PTSC 01 thực hiện	Ngày onhire (Ngày bắt đầu DA)	Ngày offhire (Ngày kết thúc DA)	Số ngày huy động	Ghi chú
1	Vận chuyển các modules của tàu FPSO từ Vũng tàu sang Singapore cho khách hàng PMC	11/4/2016	11/5/2016	31	
2	Vận chuyển cấu kiện P7, 8, 9, 10 cho khách hàng Tan Cang Offshore Services JSC/ VSP	14/5/2016	06/7/2016	54	
3	Phục vụ dự án STT T&I	02/9/2016	28/9/2016	27	
Tổng số ngày khai thác				112	

1.4. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính chủ yếu đạt được

- Một số chỉ tiêu chủ yếu được ghi nhận tại Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán Deloitte, cụ thể như sau:

Bảng 1: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đạt được trong năm 2016

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.201,00	1.893,09	157,62%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	37,00	77,46	209,32%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	29,60	56,89	192,19%

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Đạt (%)
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VDL	%	7,40%	14,22%	192,16%
6	Lợi nhuận được phân phối (*)	Tỷ đồng	29,60	56,89	192,19%

Bảng 2: Bảng so sánh với năm liền kề

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	TH năm 2015	KH năm 2016	TH năm 2016	Tỷ lệ % so với	
					TH năm 2015	KH năm 2016 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)	(7)=(5)/(4)
1	Doanh thu	4.371,94	1.201,00	1.893,09	43,30%	157,62%
2	Lợi nhuận trước thuế	164,32	37,00	77,46	47,13%	209,32%
3	Nộp NSNN	418,94	63,89	173,27	41,36%	271,20%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu (%)	3,76%	3,08%	4,09%	108,77%	132,79%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên vốn điều lệ (%)	41,08%	9,25%	19,36%	47,13%	209,30%
6	Thu nhập BQ không tính khối O&M (triệu đồng/tháng)	29,46	22,00	29,51	100,17%	134,14%

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành

- + Ông Dương Hùng Văn: Giám đốc.
- + Ông Lê Toàn Thắng: Phó giám đốc.
- + Ông Nguyễn Văn Điệp: Phó giám đốc.
- + Ông Nguyễn Ngọc Trường: Phó giám đốc.
- + Ông Vũ Chi Viện: Phó giám đốc.
- + Ông Nguyễn Minh Ngọc: Kế toán trưởng.

– Tóm tắt lý lịch Ban điều hành

- + Ông Dương Hùng Văn: Giám đốc
 - ❖ Giới tính: Nam.
 - ❖ Ngày sinh: 05/7/1975.
 - ❖ Nơi sinh: Vũng Tàu.
 - ❖ Quê quán: Hà Nội.

- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh.
- ❖ Số CMND: 273046421 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 03/06/2014.
- ❖ Địa chỉ thường trú: C10, Khu Phương Nam, Phường 7, Tp. Vũng Tàu
- ❖ Điện thoại liên hệ: 064 - 3515758
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng/ Cử nhân quản trị kinh doanh
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
12/1997 – 11/2001	Công tác tại Công ty TNHH Xây dựng số 5 tại Vũng Tàu, chức vụ Giám sát và tổ chức thi công tại công trình xây dựng Nhà máy điện Bà Rịa giai đoạn 1, mở rộng giai đoạn 2 và thi công Nhà máy chế biến bột cá của Singapore tại Long Sơn.
12/2001 – 07/2002	Làm việc cho Công ty Sam Sung trong Dự án xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ với nhiệm vụ Giám sát chất lượng công trình
08/2002 – 11/2003	Công tác tại Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải trực thuộc PTSC với chức vụ Phó Giám đốc thi công Dự án Nam Côn Sơn thị Cảng Thị Vải, huyện Tân Thành.
12/2003 – 07/2004	Tổ trưởng Tổ Xây dựng và trang trí thuộc Phòng Kỹ thuật sản xuất Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí hàng hải.
08/2004 – 06/2005	Tham gia Dự án C-CCPP với vai trò giám sát thi công và điều phối các hoạt động tại công trường.
06/2005 – 02/2008	Công tác tại Công ty Dịch vụ Cơ khí hàng hải, lần lượt giữ các chức vụ: Tổ trưởng tổ xây dựng, trang trí, Phó phòng kỹ thuật, Giám đốc Dự án 5B xây dựng cảng xuất nhập sản phẩm tại KKT Dung Quất, Phó Giám đốc Công ty.
15/02/2008 – 12/2011	Giám đốc Công ty TNHH MTV/Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi
12/2011 – Nay	Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC

- ❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 12.000.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại POS: 12.000.000 cổ phần) chiếm 30% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Ông Lê Toàn Thắng: Phó giám đốc

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 08/09/1968.
- ❖ Nơi sinh: Thái Bình.
- ❖ Quê quán: Thái Bình.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh.

- ❖ Số CMND: 025879800 do Công an Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2014
- ❖ Địa chỉ thường trú: Số 94 Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu
- ❖ Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ/Kỹ sư máy tàu biển/ Kỹ sư kinh tế vận tải biển.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
01/1992-04/1993	Nhân viên Marketing - Công ty dầu mỡ nhờn Việt Nam (VIDAMO) trực thuộc PetroVietnam.
07/1993-09/1994	Nhân viên trực thông tin dẫn khoan Hakuryu 3, Hakuryu 5, Eneger Seacher và Juncumming Ham. Trong thời gian này có 03 tháng làm phiên dịch trên tàu bảo vệ địa chấn GPTS 102.
10/1994-04/1995	Nhân viên phòng Thương mại hợp đồng - Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
05/1995-07/1995	Nhân viên thanh toán đối ngoại - phòng Tài chính kế toán Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
08/1995-07/1996	Chuyên viên giám sát hậu cần (Logicstic Supervisor) - Công ty Dầu khí MJC (Mobile & Japan J/v) tại Việt Nam.
08/1996-11/2001	Chuyên viên/Tổ trưởng Tổ quản lý nguồn nhân lực (HRM) - Xí nghiệp tàu dịch vụ Dầu khí PTSC Marine.
11/2001-04/2004	Trưởng phòng Hành chính Nhân sự & Đào tạo - Ban QLDA cụm Khí Điện Đạm Cà Mau.
05/2004-04/2006	Phó phòng (đến tháng 4/2005) sau đó Phụ trách phòng Kế hoạch sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
05/2006-09/2007	Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
10/2007-12/2007	Trưởng phòng Quản lý Dự án & Đầu tư Công ty TNHH MTV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
01/2008- đến nay	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

- ❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 50.000 cổ phần chiếm 0,125% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Ông Nguyễn Văn Điệp: Phó giám đốc

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 06/09/1978.
- ❖ Nơi sinh: Nam Định.
- ❖ Quê quán: Nam Định.

- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Số CCCD: 036078001494 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 24/03/2016.
- ❖ Địa chỉ thường trú: B18 Nguyễn Trung Trực, Bến Đình 2, Phường 9, Thành phố Vũng Tàu.
- ❖ Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ AIT chuyên ngành quản lý dự án/Kỹ sư xây dựng công trình biển và dầu khí.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
03/2001-12/2001	Kỹ sư thiết kế, Phòng Nghiên cứu và Thiết kế, Viện NIPI - Xí nghiệp Liên doanh dầu khí Vietsovpetro (VSP).
01/2001-01/2005	Kỹ sư thiết kế, Tổ trưởng Tổ kết cấu - Phòng Kỹ thuật Sản Xuất, Xí nghiệp Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC.
02/2005-02/2006	Kỹ sư thiết kế xây dựng - Công ty Danieli Construction International, Tập đoàn Danieli (Italia).
03/2006-09/2007	Tổ trưởng Tổ xây lắp Công trình biển, Phó phòng Kế hoạch Sản xuất - PTSC Production Services
10/2007-04/2008	Phó phòng phụ trách phòng Quản lý dự án Đầu tư – Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
05/2008-04/2009	Trưởng phòng Quản lý dự án Đầu tư – Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
05/2009-nay	Phó giám đốc – Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

- ❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 50.000 cổ phần chiếm 0,125% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.
- + Ông Nguyễn Ngọc Trường: Phó giám đốc
- ❖ Giới tính: Nam.
 - ❖ Ngày sinh: 08/10/1977.
 - ❖ Nơi sinh: Quỳnh Phụ - Thái Bình.
 - ❖ Quê quán: Quỳnh Phụ - Thái Bình.
 - ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
 - ❖ Dân tộc: Kinh
 - ❖ Số CMND: 273473996 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 18/12/2008.
 - ❖ Địa chỉ thường trú: 13 Lô B Lê Hồng Phong Nối Dài, Phường Thắng Tam, TP Vũng tàu.
 - ❖ Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.

- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khoan và khai thác dầu khí/ Kỹ sư Quản trị Doanh nghiệp/Thạc sỹ Quản lý Kỹ thuật và Công nghiệp.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
02/2000-06/2000	Nhân viên kinh doanh - Công ty TNHH Nam Anh.
07/2000-08/2001	Nhân viên thông tin ngoài giàn khoan (Radio Operator) – Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
09/2001-04/2002	Nhân viên dự án O&M - Phòng TM, Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
05/2002-09/2002	Tổ trưởng dự án O&M - Phòng TMDV, Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí.
10/2002-05/2005	Tổ trưởng tổ O&M - Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.
06/2005-05/2007	Phó phòng Kế hoạch Sản xuất - Xí nghiệp Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
06/2007-08/2007	Xưởng phó xưởng CKBD - Công ty Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC.
09/2007-04/2008	Phó phòng phụ trách phòng TMDV – Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC.
05/2008-06/2011	Trưởng phòng TMDV - Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
7/2011-nay	Phó giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

- ❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 40.000 cổ phần chiếm 0,10% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.

+ Ông Vũ Chi Viện: Phó giám đốc

- ❖ Giới tính: Nam.
- ❖ Ngày sinh: 28/11/1967.
- ❖ Nơi sinh: Nam Định.
- ❖ Quê quán: Nam Định.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh.
- ❖ Số CMND: 273077087 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 17/2/2004
- ❖ Địa chỉ thường trú: Nhà H2, đường 3/2, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu
- ❖ Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.

❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế/ Thạc sỹ quản trị kinh doanh/ Cử nhân ngoại ngữ.

❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
09/1989-09/1993	Chuyên viên Phòng kế hoạch nghiệp vụ - Công ty Công nghệ phẩm Hà Nam Ninh
10/1993-10/1994	Cửa hàng trưởng Cửa hàng xăng dầu – Công ty xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu
11/1994 -06/1998	Chuyên viên Tổng hợp/ Thư ký Giám đốc - Công ty Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu.
07/1998 -04/2002	Chuyên viên Kinh doanh - Công ty Xăng dầu Bà Rịa - Vũng Tàu.
04/2002 -09/2002	Nhân viên phòng Kinh doanh VTSPDK – Xí nghiệp tàu Dịch vụ Dầu khí PTSC.
09/2002 - 04/2004	Chuyên viên Phòng Thương Mại - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
04/2004 -06/2007	Phó phòng Thương mại - Xí nghiệp Dịch vụ khai thác Dầu khí PTSC.
07/2007 -09/2007	Phó phòng Thương mại - Công ty TNHH 1TV Dịch vụ khai thác Dầu khí.
10/2007 -04/2008	Phó phòng phụ trách phòng HCNS - Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
05/2008 -12/2010	Trưởng phòng HCNS/ Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
01/2011 – 12/2011	Thành viên HĐQT/ Trưởng phòng HCNS/ Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.
12/2011 - Đến nay	Thành viên HĐQT/ Phó Giám đốc/ Chủ tịch Công đoàn Công ty cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình Dầu khí biển PTSC.

❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.010.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu: 8.000.000 cổ phần chiếm 20% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết và Cá nhân: 10.000 cổ phần chiếm 0,025% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết).

+ Ông Nguyễn Minh Ngọc: Kế toán trưởng Công ty

❖ Giới tính: Nam.

- ❖ Ngày sinh: 13/9/1973.
- ❖ Nơi sinh: Lạng Giang – Hà Bắc.
- ❖ Quê quán: Lạng Giang – Hà Bắc.
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam.
- ❖ Dân tộc: Kinh.
- ❖ Số CMND: 273246293 do Công an Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 26/12/2003.
- ❖ Địa chỉ thường trú: 74/15/9 Trương Công Định phường 3, Thành phố Vũng Tàu
- ❖ Điện thoại liên hệ: 064 – 3515758.
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12.
- ❖ Trình độ chuyên môn: Cử nhân cao đẳng sư phạm toán/ Cử nhân kinh tế.
- ❖ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác
08/1992-03/1997	Nhân viên thủ quỹ - Công ty Đại Dương.
04/1997-06/1999	Nhân viên kế toán tổng hợp - Sungeiway Joint Venture Company.
11/1999-08/2001	Nhân viên quản lý vật tư - My Duc Ceramics Joint Venture Company.
09/2001-09/2007	Kế toán, Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí.
10/2007-Nay	Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC

- ❖ Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.000 cổ phần chiếm 0,02% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết.
- Những thay đổi trong ban điều hành năm 2016: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên, chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:
 - + Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến 31/12/2016 Tổng CBCNV của Công ty bao gồm 558 người, trong đó trình độ trên Đại học là 28 người, Đại học và tương đương là 410 người, Công nhân kỹ thuật là 115 người, Lao động Phổ thông là 05 người.
 - + Chính sách đối với người lao động:
 - ❖ Năm 2016, Công ty thực hiện việc áp dụng lương trọng số khuyến khích cho một số CBCNV có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao nhằm khuyến khích giữ chân người lao động và khuyến khích người lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - ❖ Chế độ phụ cấp lương vẫn được kế thừa bao gồm: phụ cấp ca đêm, phụ cấp biển, phụ cấp không ổn định, phụ cấp an toàn vệ sinh viên, phụ cấp ban chỉ huy quân sự, tiền ăn ca.....
 - + Chế độ bảo hiểm:
 - ❖ Công ty đã thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật lao động về việc tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Đồng thời đảm bảo toàn

Handwritten signature

- thể cán bộ công nhân viên đều được hưởng đầy đủ các chế độ bảo hiểm.
- ❖ Công ty thực hiện mua Chế độ bảo hiểm con người kết hợp, bảo hiểm Medivac, bảo hiểm du lịch theo đúng chủ trương và quy định của Tổng Công ty phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- + Chính sách khen thưởng: Được áp dụng nhằm tạo động lực khuyến khích trong hoạt động SXKD, gắn liền với thành tích công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty áp dụng các chính sách thưởng như:
- ❖ Thưởng theo thành tích công việc định kỳ hàng tháng, hàng quý (POS Star, Offshore star...).
 - ❖ Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật (Kaizen, Hazob).
 - ❖ Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.
 - ❖ Thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quý, năm.
 - ❖ Thưởng hoàn thành dự án.
- + Chế độ chính sách khác: Ngoài việc thực hiện các chính sách lương, thưởng, chế độ bảo hiểm theo qui định pháp luật, Công ty còn áp dụng các chế độ phúc lợi như thoả thuận trong TULĐTT cụ thể như sau:
- ❖ Mức trợ cấp không dưới 500.000 đồng cho trường hợp: Con của người lao động sinh trong năm; Con người lao động kết hôn.
 - ❖ Mức trợ cấp không dưới 1.000.000 đồng cho trợ cấp: Tết Dương lịch; Tết Âm lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; Ngày Quốc tế lao động; Ngày Quốc khánh; Người lao động kết hôn; Bố, mẹ (bên chồng và bên vợ) chết, vợ hoặc chồng chết, con của người lao động chết.
 - ❖ Trợ cấp không dưới 2.000.000 đồng cho người lao động nằm viện phải phẫu thuật hoặc ốm đau phải nghỉ làm việc từ 30 ngày trở lên.
 - ❖ Trợ cấp cho người lao động khi về nghỉ hưu với mức: Cứ mỗi năm làm việc trong ngành Dầu khí (kể từ 03/09/1975) là 01 tháng tiền lương tối thiểu vùng Chính phủ quy định.
 - ❖ Trợ cấp cho gia đình người lao động khi người lao động bị chết với mức: Cứ mỗi năm làm việc trong ngành dầu khí (kể từ 03/09/1975) là 01 tháng tiền lương tối thiểu vùng.
 - ❖ Các ngày lễ và ngày kỷ niệm khác tùy theo điều kiện cụ thể của Công ty trong từng thời kỳ nhất định, Chủ tịch Công đoàn cơ sở đề nghị Giám đốc Công ty xem xét trợ cấp hoặc tặng quà cho từng đối tượng tương ứng với ngày lễ và ngày kỷ niệm khác trong năm.
 - ❖ Chế độ nghỉ mát du lịch hàng năm cho CBCNV sau những ngày hoạt động SXKD.
 - ❖ Chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc với chức danh thuộc danh mục nghề do Bộ lao động TBXH ban hành và làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm.
 - ❖ Công ty luôn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động thông qua các hoạt động như: Tổ chức thi đấu thể thao, hội diễn văn nghệ hàng năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các gói đầu tư chuyển tiếp từ năm 2015 sang 2016: Đã hoàn thành công tác đánh giá hồ sơ chào hàng cạnh tranh mua tàu thuộc dự án Đầu tư Tàu công trình đa năng DP2 "MSV-POS2". Tuy nhiên do ảnh hưởng của giá dầu nên Công ty LDBD tạm dừng dự án và tiếp tục theo dõi để đầu tư vào thời điểm thích hợp.
- Các gói đầu tư năm 2016: trong năm 2016, Công ty không thực hiện đầu tư máy móc, phương tiện, thiết bị. Tuy nhiên Công ty cũng đã nghiên cứu và hoàn thành lập FS cho dự án Hoán cải Sà lan nhà ở POS 1 thành Sà lan rải ống gửi Tổng công ty và tiếp tục theo dõi để đầu tư vào thời điểm thích hợp.
- Hoàn thành sửa chữa một số hạng mục tại Xưởng CKBD và một số hạng mục khác tại Nhà Văn phòng Công ty năm 2016. Chi phí sửa chữa xây dựng cơ bản là 387,14 Tr.VNĐ.
- Các Công ty con, công ty liên kết: không.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,237,498,925,348	1,728,368,984,819	-22.75%
Doanh thu thuần	4,318,446,656,337	1,860,774,337,888	-56.91%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	161,493,269,706	76,773,039,219	-52.46%
Lợi nhuận khác	2,825,340,217	685,265,937	-75.75%
Lợi nhuận trước thuế	164,318,609,923	77,458,305,156	-52.86%
Lợi nhuận sau thuế	121,729,819,908	56,894,378,457	-53.26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	10%	-33.33%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1.49	1.90	
+ Hệ số thanh toán nhanh	1.40	1.84	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.61	0.51	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.57	1.03	

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	33.95	20.85	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.93	1.08	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.03	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.14	0.07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.03	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.04	0.04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

STT	Loại cổ phần	Số lượng
1	Cổ phần tự do chuyển nhượng	40.000.000
2	Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	0
Tổng số cổ phần		40.000.000

b) Cơ cấu cổ đông:

Stt	Loại Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0,00
2	Cổ đông tổ chức trong nước	37.980.700	94,95
3	Cổ đông cá nhân trong nước	2.019.300	5,05
4	Cổ đông tổ chức nước ngoài	0	0,00
5	Cổ đông cá nhân nước ngoài	0	0,00
Tổng cộng		40.000.000	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

- Công ty thường xuyên rà soát và hoàn thiện các tài liệu quản lý CL-ATSKMT phù hợp với hoạt động SXKD thực tế, tiếp tục triển khai và duy trì hiệu quả các hệ thống quản lý của Công ty LDBD phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004,

OHSAS 18001:2007 và ISO/IEC 17025:2005, hệ thống quản lý an toàn cho sà lan nhà ở theo Bộ luật ISM và hệ thống an ninh theo bộ ISPS, chứng nhận hệ thống theo Công ước lao động hàng hải MLC 2006 cho sà lan nhà ở PTSC Offshore 1. Công ty đã hoàn tất việc đánh giá tái chứng nhận hệ thống ISO 17025, ISM, ISPS;

- Trong năm 2016, Công ty đã và đang triển khai thành công và an toàn các dự án XLCTB cho khách hàng Hyundai/ TOTAL tại Myanmar, dự án Sư Tử Trắng cho khách hàng PMC/ CLJOC, dự án HUC FMB cho khách hàng Technip/ Qatar Petroleum ở Qatar, dự án GPPCM cho khách hàng PVGAS và các dự án khác không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI) và tai nạn cháy nổ nào, được khách hàng khen ngợi. Các chỉ tiêu về an toàn, sức khỏe và môi trường đều đạt yêu cầu so với quy định của Công ty, khách hàng và pháp luật. Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty LDBD đạt được hơn 17 triệu giờ làm việc an toàn không để xảy ra sự cố mất thời gian làm việc (LTI).
- Điện năng: Tổng công suất điện là 500 KVA, được lấy từ hệ thống điện chung của khu vực mạng lưới điện của khu vực cảng dịch vụ dầu khí PTSC. Tổng lượng nước sử dụng khoảng 15 m³/ngày được lấy từ hệ thống nước máy do Công ty cấp nước tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Kết quả đo phân tích chất lượng nước thải tại Xưởng Cơ khí Bảo dưỡng trong năm 2016: Các thông số đo gồm 16 thông số là pH, DO, COD, BOD5, chất rắn lơ lửng, tổng N, P, tổng Fe, Crom III, Crom VI, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Thiếc, tổng dầu mỡ, coliform, số lần đo 4 lần/năm. Kết quả đo 4 lần đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép.
- Kết quả đo chất lượng môi trường không khí tại Xưởng Cơ khí Bảo dưỡng trong năm 2016: Các thông số đo gồm có tiếng ồn, bụi lơ lửng, bụi kim loại, các khí CO, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S, số lần đo 02 lần/năm. kết quả như sau:
 - + Kết quả đo tiếng ồn: Các thông số đo tiếng ồn đều nằm trong giới hạn cho phép. Khu vực Xưởng sản xuất: < 85dBA, Ngoài khu vực sản xuất: <70dBA.
 - + Kết quả đo nồng độ bụi: Các thông số đo bụi đều nằm trong giới hạn cho phép. Khu vực Xưởng sản xuất: < 4mg/m³, ngoài khu vực sản xuất: <0,3mg/m³.
 - + Kết quả đo nồng độ bụi kim loại và các khí CO, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S: Tại thời điểm đo, các thông số đều không phát hiện (KPH).
- Kết quả đo môi trường lao động tại văn phòng công ty, xưởng CKBD và sà lan POS1 trong năm 2016 như sau: Công ty tổ chức đo 09 thông số là nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc gió, điện từ trường, ánh sáng, tiếng ồn, bụi, rung và hơi khí độc. Kết quả đo tại văn phòng và sà lan đều đạt tiêu chuẩn. Tại xưởng CKBD có 8/18 mẫu tiếng ồn là vượt tiêu chuẩn cho phép (85dbA), các thông số còn lại đều đạt yêu cầu.
 - + Nguyên nhân: do tiếng ồn lớn từ hoạt động mài, cắt, gia công và cộng hưởng tiếng ồn từ nhiều hoạt động....
 - + Biện pháp khắc phục: Cách ly nguồn ồn bằng biện pháp che chắn, PPE phù hợp với từng mức ồn (chụp tai, nút tai), định kỳ khám BNN...

- Tính đến 31/12/2016 Tổng CBCNV của Công ty bao gồm 558 người, trong đó trình độ trên Đại học là 28 người, Đại học và tương đương là 410 người, Công nhân kỹ thuật là 115 người, Lao động Phổ thông là 05 người. Thu nhập bình quân như sau:

TT	Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	So với năm 2015
1	Thu nhập BQ NLĐ hưởng lương chính sách nhà thầu (đồng/tháng)	90.799.000	89.621.000	98,70%
2	Thu nhập BQ NLĐ hưởng lương theo quy chế tiền lương Công ty (đồng/tháng)	29.460.000	29.514.000	100,18%
3	Thu nhập thấp nhất (đồng/tháng)	7.000.000	7.500.000	107,14%

- Trong năm 2016, số lượt người đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 1.104/362 lượt, đạt 304,97% kế hoạch (trong đó: đào tạo cho dự án 783 lượt người, đạt 71% tổng số lượt người đã đào tạo của Công ty); Số tiền đã đào tạo/ Kế hoạch được phê duyệt: 5,93 tỷ VNĐ/1,48 tỷ VNĐ, đạt 400% (trong đó đào tạo cho dự án 4,46 tỷ VNĐ, đạt 75% tổng số tiền đào tạo của Công ty); Số khóa đào tạo đã tổ chức: 38/35 khóa, đạt 108,6% Kế hoạch; số lượt người được đào tạo nội bộ bởi chính CBCNV của Công ty là 72 lượt người.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Một số chỉ tiêu chủ yếu của Công ty đạt được trong năm 2016:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	Đạt (%)
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
+	Vốn điều lệ bình quân năm	Tỷ đồng	400,00	400,00	100,00%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.201,00	1.893,09	157,62%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	37,00	77,46	209,32%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	29,60	56,89	192,19%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VDL	%	7,40%	14,22%	192,16%
6	Lợi nhuận được phân phối	Tỷ đồng	29,60	56,89	192,19%

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

So với năm 2015, trong năm 2016 công ty không có sự biến động nhiều về cơ cấu tài sản cũng như tổng tài sản, việc sử dụng tài sản luôn đạt hiệu quả và năng suất cao. Tổng tài sản năm 2016 giảm so với 2016 là do các khoản phải thu phải trả ngắn hạn giảm

nguyên nhân là doanh thu năm 2016 giảm nhiều so với năm 2015. Tuy nhiên, việc thu hồi các khoản nợ phải thu tốt, công ty không có nợ xấu không có khả năng thu hồi.

b) Tình hình nợ phải trả

- Khả năng thanh toán ngắn hạn của công ty tốt và luôn được đảm bảo với các hệ số thanh toán lớn hơn 1. Công ty không có các khoản nợ xấu quá hạn, Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.
- Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2016	2015
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>-2.879.823.717</u>	<u>12.626.692.291</u>

- Quản lý rủi ro lãi suất: Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Hợp lý hóa cơ cấu tổ chức cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế.
- Chuẩn hóa chức danh, bản mô tả công việc theo hướng chi tiết phục vụ việc đánh giá năng lực hoàn thành công việc.
- Xây dựng đơn giá lương, quỹ lương hợp lý, đúng pháp luật. Thiết kế thang lương với độ rộng, dẫn cách phù hợp với tính chất công việc và nghề nghiệp.
- Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả thực hiện công việc gắn tiền lương với hiệu quả, năng suất và chất lượng.
- Từng bước đổi mới và áp dụng các phương pháp quản trị nhân sự hiện đại, nâng các năng lực cho cán bộ chuyên môn và nhận thức của người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Tiếp tục bám sát các chủ trương, chỉ đạo, định hướng của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC về chiến lược phát triển của ngành dầu khí.
- Công ty LDBD xác định dịch vụ chính và xuyên suốt trong chiến lược phát triển dài hạn là dịch vụ xây lắp công trình biển. Tuy nhiên, trong giai đoạn khan hiếm việc làm như hiện nay, Công ty sẽ phát triển thêm dịch vụ xây lắp công trình dầu khí trên bờ

bên cạnh các dịch vụ thế mạnh truyền thống là xây lắp công trình biển, vận hành bảo dưỡng, cung ứng nhân lực.

- Bên cạnh đó, Công ty tích cực tìm kiếm thêm khả năng cung cấp dịch vụ ở các lĩnh vực khác như điện, đạm, xây dựng các công trình phụ trợ cho các công trình dầu khí. Tăng cường công tác phát triển dịch vụ ra thị trường nước ngoài tại các nước có nhiều tiềm năng Myanmar, Ấn độ, Brunei, Thái Lan, Trung Đông.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường:

- Ban Giám đốc đã điều hành công ty thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với công tác môi trường. Công ty không có vi phạm liên quan đến lĩnh vực môi trường.
- Công ty tuân thủ và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.
- Thực hiện tốt các vấn đề liên quan đến chế độ, chính sách đối với người lao động, chú trọng công tác đào tạo, đặc biệt là đào tạo nội bộ, on-job training. Trong năm 2016, Công ty không ghi nhận trường hợp người lao động khiếu nại, khiếu kiện về công tác chế độ, chính sách.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2016, giá dầu thô giảm xuống mức kỷ lục trong nhiều năm qua và kéo dài trong khi các quốc gia xuất khẩu dầu tiếp tục duy trì sản lượng cao đã tác động đến nhu cầu về dịch vụ xây lắp mới công trình biển bị giảm theo. Biến động bất lợi của tỷ giá tiền đồng trong thời gian gần đây cũng là yếu tố gây khó khăn trong việc thu xếp vốn trong điều kiện giá dầu giảm thấp. Bên cạnh đó, công tác phát triển dịch vụ Dầu khí tại thị trường nước ngoài cũng là một thách thức, khó khăn rất lớn đối với đơn vị. Tuy nhiên, giữa những khó khăn bủa vây, với bản lĩnh, tài xoay trở, sự sáng tạo của Ban Lãnh đạo công ty đã đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào ổn định và hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 19/4/2016 và Công ty mẹ giao.
- Với sự quan tâm hỗ trợ mạnh mẽ của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam PTSC, sự quan tâm và ủng hộ của quý cổ đông và đặc biệt với sự đoàn kết, năng động của tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên, Công ty LDBD đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- Nhìn chung, trong năm vừa qua mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, đồng thời linh hoạt trước những diễn biến của thị trường. Với các chỉ tiêu kết quả hoạt động SXKD đạt được (như đã nêu), HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong năm tài chính 2016, nổi bật là:
- Hoạt động sản xuất kinh doanh tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các dự án đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.

- Các chỉ tiêu về Doanh thu và Lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đề ra. Các chỉ số tài chính tốt, Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động; xây dựng và đào tạo được đội ngũ cán bộ lãnh đạo và người lao động có trình độ phù hợp, nhiệt huyết tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong các năm tiếp theo.
- Duy trì tốt các mối quan hệ với khách hàng, tích cực tìm kiếm mở rộng thị trường (đặc biệt đối với thị trường nước ngoài được xem là khắt khe và yêu cầu cao về chất lượng)
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 do Đại hội cổ đông thông qua.
- Chỉ đạo triển khai thủ tục chi trả cổ tức năm 2016 cho cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật.
- Triển khai công tác quản trị Công ty một cách minh bạch.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hướng tới mục tiêu đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các Cổ đông, đối xử công bằng giữa các Cổ đông, đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.
- Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ.
- Triển khai công tác công bố thông tin một cách rộng rãi, đảm bảo các thông tin được công bố phải chính xác, tuân thủ đúng quy định của Pháp luật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông và các nhà đầu tư trong quá trình tiếp cận, tìm hiểu thông tin về các hoạt động của Công ty.
- Giữ vững và tiếp tục đẩy mạnh các dịch vụ thế mạnh của Công ty. Trong giai đoạn công việc đang khan hiếm như hiện nay, để đảm bảo duy trì hoạt động của Công ty và mức thu nhập của người lao động, LDBD sẽ phát triển dịch vụ xây lắp công trình dầu khí trên bờ trở thành một trong những dịch vụ chính của Công ty bên cạnh các dịch vụ truyền thống là xây lắp công trình biển, vận hành bảo dưỡng, cung ứng nhân lực.
- Chỉ đạo ông Giám đốc Công ty xây dựng kế hoạch marketing tổng thể và dài hạn cho thị trường trong nước và thị trường nước ngoài để phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty LDBD. Tiếp tục duy trì và phát triển các mối quan hệ hợp tác lâu dài đối với các đối tác chiến lược có uy tín và tiềm lực mạnh..
- Chỉ đạo và giám sát Ban điều hành Công ty tiến hành các công tác liên quan để đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty, công tác duy trì và phát triển các hệ thống quản lý phù hợp với các tiêu chuẩn mới: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISM code và ISPS code, công tác phát triển nguồn nhân lực...

- Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Tiên Phong – Chủ tịch HĐQT:

- + Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 13.984.700 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại LDBD: 13.980.700 cổ phần chiếm 34,95% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết và Cá nhân: 4.000 cổ phần chiếm 0,01% tỷ lệ Cổ phần có quyền biểu quyết).
- + Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (thành viên kiêm nhiệm).

- Ông Dương Hùng Văn – thành viên HĐQT:

- + Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 12.000.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu tại LDBD: 12.000.000 cổ phần chiếm 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).
- + Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (thành viên kiêm nhiệm).

- Ông Vũ Chi Viện: Thành viên HĐQT

- + Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.010.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu: 8.000.000 cổ phần chiếm 20% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết và Cá nhân: 10.000 cổ phần chiếm 0,025% tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết).
- + Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

- Ông Trần Ngọc Chương: Thành viên HĐQT

- + Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần.
- + Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

- Ông Nguyễn Thế Hoàng: Thành viên HĐQT

- + Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 3.985.000 cổ phần (Trong đó Đại diện chủ sở hữu: 3.985.000 cổ phần chiếm 9,96% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết).
- + Chức vụ thành viên HĐQT đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên BKS Công ty CP Bất động sản Dầu khí; Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông; Thành viên HĐQT tại PVD, GDI.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty trong việc giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- HĐQT đã thực hiện tốt việc cung cấp các tài liệu, thông tin cho Ban Kiểm soát Công ty để Ban thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.
- Trong quan hệ với bộ máy điều hành và các tổ chức Đoàn thể chính trị-xã hội, HĐQT luôn tạo điều kiện và thể hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình.
- Đánh giá một cách khách quan, trong năm 2016, HĐQT đã nỗ lực chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao. Các thành viên HĐQT, đã hoàn thành tốt chức trách và nhiệm vụ.
- Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn tồn tại một số nội dung chưa hoàn thành đúng như kế hoạch đặt ra do các thành viên Hội đồng quản trị không tập trung ở Công ty nên việc lấy ý kiến mất nhiều thời gian.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

- Các thành viên HĐQT của Công ty LDBD đều là những cán bộ hiện đang kiêm nhiệm giữ những vị trí quan trọng trong bộ máy điều hành của Công ty LDBD, của Ngân hàng TMCP Đại Dương Ocenbank và đã tham gia các khóa học liên quan đến quản trị công ty, quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh.
- Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC bao gồm 3 thành viên không chuyên trách được Cổ đông bầu ra tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 01/4/2013, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết so với tổng số cổ phần
1	Nguyễn Văn Bảo	Trưởng Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	7.000	0,017 %
2	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Thành viên Ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	0	0 %
3	Trần Thị Minh Hương	Thành viên ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	0	0 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13 và Điều lệ Công ty; trong năm 2016, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016;
- Thẩm định báo cáo Báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.
- Phối hợp với các Phòng/ Ban chức năng của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại đơn vị.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, với mục đích bảo toàn và phát triển vốn.
- Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá Hội đồng quản trị trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Đánh giá việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước, của Công ty.
- Hiện đúng các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật doanh nghiệp, đã tổ chức 04 cuộc họp trong vào mỗi Quý. bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực
- Các Thành viên làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, luôn đặt lợi ích của cổ đông, của tập thể lên hàng đầu.
- Duy trì mối quan hệ công tác và hợp tác/phối hợp tốt với các Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, Công ty mẹ PTSC và các cổ đông khác.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Thù lao Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Mức thù lao/tháng (VNĐ)	Số tháng	Tổng tiền thù lao /năm (VNĐ)
1	Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	12	36.000.000
2	Dương Hùng Văn	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
3	Vũ Chi Viện	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
4	Trần Ngọc Chương	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
5	Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên HĐQT	2.000.000	12	24.000.000
6	Nguyễn Văn Bảo	Trưởng ban BKS	2.000.000	12	24.000.000
7	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Thành viên BKS	1.000.000	12	12.000.000
8	Trần Thị Minh Hương	Thành viên BKS	1.000.000	12	12.000.000

- Tiền lương, thưởng của Ban giám đốc: Được trả theo quy chế tiền lương của Công ty.

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
 - Tuân thủ các quy định về quản trị Công ty theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính .

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của Cty TNHH Deloitte Việt Nam, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Chi tiết như Phụ lục đính kèm.

VII. Phụ lục

1. Sơ đồ tổ chức

2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC
Dương Hùng Văn

Handwritten signature



PTSC OFFSHORE SERVICES

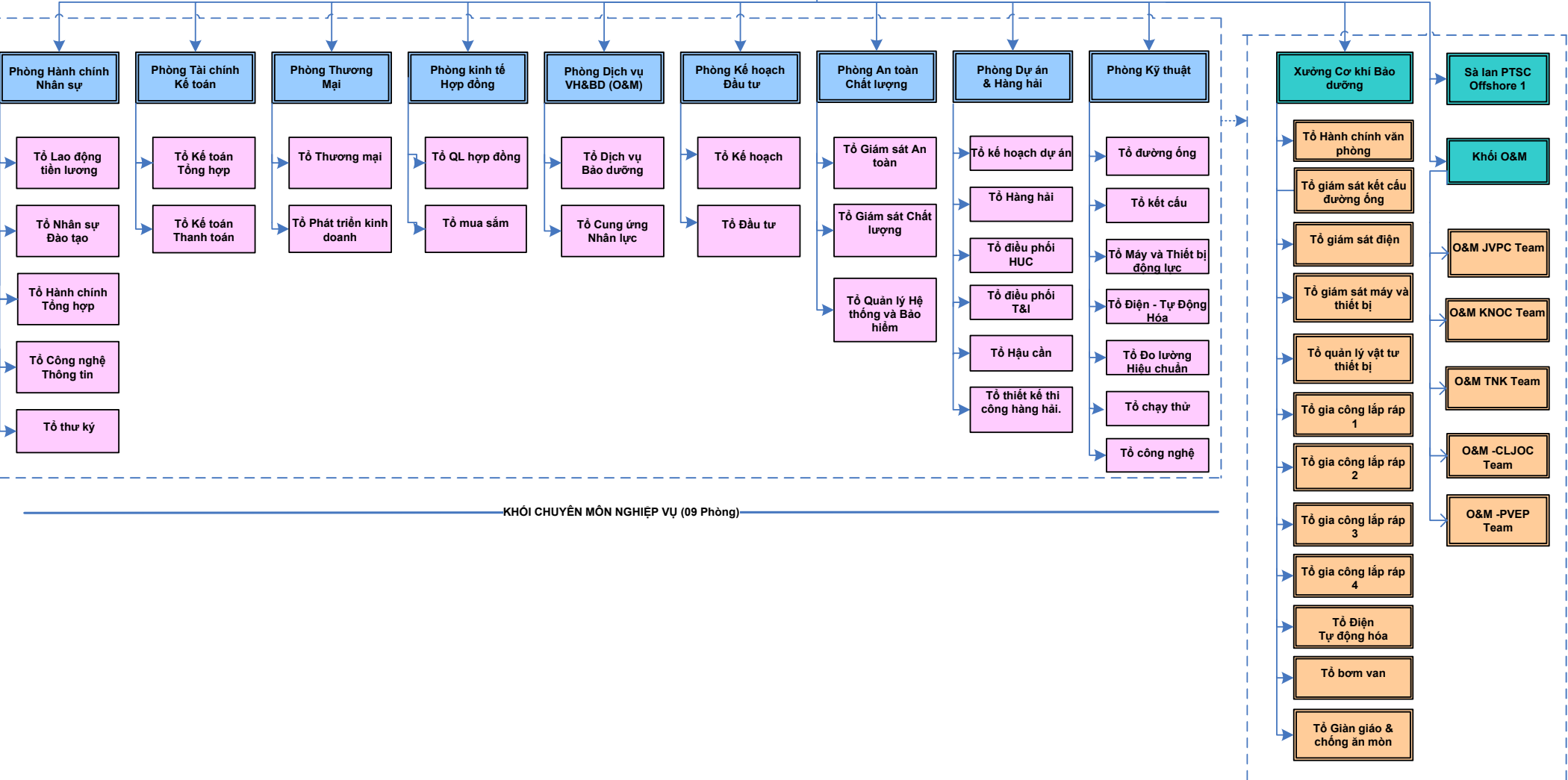
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY PTSC - POS

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Kiểm soát

BAN GIÁM ĐỐC



KHỐI SẢN XUẤT (X.CKBD, PTSC Offshore 1, O&M (05 teams))

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT,
VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH
DẦU KHÍ BIỂN PTSC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiên Phong	Chủ tịch
Ông Dương Hùng Văn	Thành viên
Ông Vũ Chi Viện	Thành viên
Ông Trần Ngọc Chương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Hoàng	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Hùng Văn	Giám đốc
Ông Lê Toàn Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Điệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Trường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Chi Viện	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu
khí biển PTSC**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1867-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.581.104.730.007	1.967.131.653.972
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	295.896.265.637	500.419.938.067
1. Tiền	111		100.896.265.637	440.419.938.067
2. Các khoản tương đương tiền	112		195.000.000.000	60.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		206.400.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		206.400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		937.467.811.120	1.311.209.531.851
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	895.420.002.625	1.224.767.400.379
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.481.252.026	15.503.392.306
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	29.566.556.469	75.676.787.859
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(4.738.048.693)
IV. Hàng tồn kho	140	8	45.822.656.556	119.539.788.830
1. Hàng tồn kho	141		45.822.656.556	119.539.788.830
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		95.517.996.694	35.962.395.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.463.955.247	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		92.054.041.447	35.962.395.224
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.264.254.812	270.367.271.376
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.095.000.000	5.677.937.500
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.095.000.000	5.677.937.500
II. Tài sản cố định	220		113.883.453.067	222.801.362.680
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	111.067.975.184	216.363.415.325
- Nguyên giá	222		818.961.207.025	813.443.454.591
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(707.893.231.841)	(597.080.039.266)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	2.815.477.883	6.437.947.355
- Nguyên giá	228		10.927.367.800	10.927.367.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.111.889.917)	(4.489.420.445)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.058.054.211	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.058.054.211	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		30.227.747.534	41.887.971.196
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	16.916.253.762	34.995.571.641
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	13.311.493.772	6.892.399.555
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.728.368.984.819	2.237.498.925.348

2500-00
NHÂN
CÔNG TY
HIỂM HỮU
LOITTE
T NAM
P. HỒ C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		876.240.782.536		1.366.265.101.522	
I. Nợ ngắn hạn	310		833.235.255.112		1.319.905.501.522	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	622.288.866.764		883.930.430.264	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.481.684.257		18.670.181.058	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	30.352.316.934		35.849.041.577	
4. Phải trả người lao động	314		28.982.981.606		37.916.474.117	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	69.506.789.947		222.271.943.498	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.091.875.000		1.327.299.776	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	31.430.348.134		104.725.215.615	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	9.844.800.000		6.658.678.147	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		9.255.592.470		8.556.237.470	
II. Nợ dài hạn	330		43.005.527.424		46.359.600.000	
1. Phải trả dài hạn khác	337		-		36.514.800.000	
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	17	38.333.407.424		9.844.800.000	
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.672.120.000		-	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		852.128.202.283		871.233.823.826	
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	852.128.202.283		871.233.823.826	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000		400.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		308.742.964.235		77.835.964.235	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		143.385.238.048		393.397.859.591	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		86.490.859.591		271.668.039.683	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		56.894.378.457		121.729.819.908	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.728.368.984.819		2.237.498.925.348	



Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu



Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng



Đương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

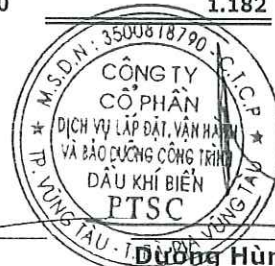
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	1.860.774.337.888	4.318.446.656.337
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	21	1.860.774.337.888	4.318.446.656.337
3. Giá vốn hàng bán	11	22	1.724.261.428.367	4.058.862.819.457
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		136.512.909.521	259.583.836.880
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	31.443.597.027	50.260.906.957
6. Chi phí tài chính	22	25	15.998.652.356	36.698.976.888
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		636.217.269	5.802.902.703
7. Chi phí bán hàng	25	26	14.405.041.284	17.849.854.490
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	60.779.773.689	93.802.642.753
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		76.773.039.219	161.493.269.706
10. Thu nhập khác	31		875.265.937	3.056.332.496
11. Chi phí khác	32		190.000.000	230.992.279
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	28	685.265.937	2.825.340.217
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		77.458.305.156	164.318.609.923
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	26.983.020.916	40.517.362.429
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	(6.419.094.217)	2.071.427.586
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		56.894.378.457	121.729.819.908
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	1.182	2.643


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng





Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

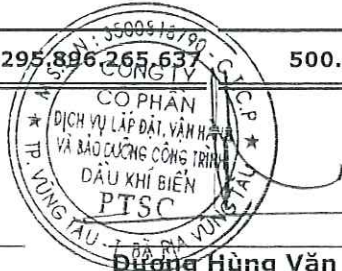
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	77.458.305.156	164.318.609.923
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	114.475.772.500	118.968.452.745
Các khoản dự phòng	03	26.936.680.584	(2.347.609.516)
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	6.599.577.836	(4.214.028.652)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14.192.300.392)	(11.109.007.577)
Chi phí lãi vay	06	636.217.269	5.802.902.703
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	211.914.252.953	271.419.319.626
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	330.094.548.149	(70.811.751.025)
Giảm hàng tồn kho	10	73.717.132.274	68.939.503.175
Giảm các khoản phải trả	11	(528.830.766.057)	(517.804.610.837)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	14.615.362.632	(34.552.451.641)
Tiền lãi vay đã trả	14	(636.217.269)	(5.802.902.703)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(28.854.848.078)	(65.005.908.288)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.193.655.253)	(15.079.233.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.825.809.351	(368.698.034.693)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(6.722.906.845)	(8.908.549.428)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	-	642.181.818
3. Tiền gửi vào tài khoản tiết kiệm có kỳ hạn	25	(206.400.000.000)	-
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	11.423.275.115	11.374.118.372
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(201.699.631.730)	3.107.750.762
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(59.800.150.000)	(199.447.537.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(59.800.150.000)	(199.447.537.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(204.673.972.379)	(565.037.821.431)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	500.419.938.067	1.069.594.044.340
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	150.299.949	(4.136.284.842)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	295.896.265.637	500.419.938.067


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng


Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3500818790 ngày 27 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Cổ đông chính và là công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PTSC").

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 564 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 572 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ sau:

- (i) Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối chạy thử các công trình dầu khí;
- (ii) Dịch vụ di dời thu gom mỏ sau khi kết thúc các chu kỳ khai thác ngoài biển;
- (iii) Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình dầu khí;
- (iv) Dịch vụ cung ứng nhân lực cho các công tác lắp đặt và đấu nối chạy thử, hỗ trợ vận hành và bảo dưỡng;
- (v) Dịch vụ kho ngoại quan phục vụ công tác vận hành, bảo dưỡng lắp đặt và đấu nối chạy thử; Dịch vụ sửa chữa máy móc thiết bị;
- (vi) Dịch vụ đo lường, điều khiển cho các công trình dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng, mua bán phụ tùng;
- (vii) Kinh doanh, lắp đặt, bảo trì sửa chữa trang thiết bị phòng cháy, hệ thống báo cháy, cứu hỏa phục vụ công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng;
- (viii) Quản lý vận hành, khai thác và kinh doanh các dịch vụ cung cấp Sà lan nhà ở và các phương tiện nổi.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu ngắn hạn của khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán ngắn hạn, chi phí phải trả ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, dự phòng phải trả và phải trả dài hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.



Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	6 - 7
Thiết bị văn phòng	3

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sửa chữa lớn xà lan trả trước và chi phí bản quyền phần mềm.

Chi phí sửa chữa lớn xà lan được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm. Chi phí bản quyền phần mềm được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa khối lượng thực tế thực hiện so với tổng khối lượng công việc dự toán.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	17.023.139	112.140.036
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	100.879.242.498	440.307.798.031
Các khoản tương đương tiền	195.000.000.000	60.000.000.000
	295.896.265.637	500.419.938.067

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất từ 0,5% đến 4,8%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 4,3%).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của bên thứ 3	226.979.666.678	294.399.667.096
b. Phải thu ngắn hạn khách hàng các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	668.440.335.947	930.367.733.283
	895.420.002.625	1.224.767.400.379

002-C
H
Y
HẠN
E
HI MỸ

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng chưa kê khai	7.871.507.315	43.175.107.101
Lãi tiền gửi dự thu	2.883.691.944	114.666.667
Phải thu nội bộ từ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	14.301.809.730	25.136.431.996
Phải thu thuế nộp hộ nhà thầu	-	5.285.598.932
Tạm ứng	982.711.840	1.176.660.006
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.342.937.500	-
Các khoản bảo hiểm nộp dư	62.366.231	158.067.890
Phải thu ngắn hạn khác	121.531.909	630.255.267
	<u>29.566.556.469</u>	<u>75.676.787.859</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.201.265.856	2.012.378.688
Công cụ, dụng cụ	16.298.288.274	18.921.232.487
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	28.323.102.426	98.606.177.655
	<u>45.822.656.556</u>	<u>119.539.788.830</u>

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chi phí mua ngoài của các dự án dở dang bao gồm:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án HUC Sư Tử Trắng	11.308.249.902	-
Dự án GPP Cà Mau	7.225.688.903	-
Dự án Khí Thấp áp PTSC-PVGas	-	64.164.153.447
Dự án On fabrication for Sapura	-	21.761.976.344
Dự án Đại Hùng	-	611.859.056
Dự án Badamyar	9.789.163.621	8.650.698.968
Các dự án khác	-	3.417.489.840
	<u>28.323.102.426</u>	<u>98.606.177.655</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09- DN

9. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐÌNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	49.559.832.756	96.277.901.378	651.931.711.732	15.674.008.725	813.443.454.591
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	5.257.016.824	-	407.835.810	5.664.852.634
Giảm khác	-	(73.500.200)	-	(73.600.000)	(147.100.200)
Số dư cuối năm	<u>49.559.832.756</u>	<u>101.461.418.002</u>	<u>651.931.711.732</u>	<u>16.008.244.535</u>	<u>818.961.207.025</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	33.103.903.340	63.794.266.469	489.073.459.293	11.108.410.164	597.080.039.266
Khấu hao trong năm	3.344.798.997	12.647.739.854	91.744.870.031	3.115.894.146	110.853.303.028
Giảm khác	-	(7.023.352)	-	(33.087.101)	(40.110.453)
Số dư cuối năm	<u>36.448.702.337</u>	<u>76.434.982.971</u>	<u>580.818.329.324</u>	<u>14.191.217.209</u>	<u>707.893.231.841</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	<u>16.455.929.416</u>	<u>32.483.634.909</u>	<u>162.858.252.439</u>	<u>4.565.598.561</u>	<u>216.363.415.325</u>
Tại ngày đầu năm	<u>13.111.130.419</u>	<u>25.026.435.031</u>	<u>71.113.382.408</u>	<u>1.817.027.326</u>	<u>111.067.975.184</u>
Tại ngày cuối năm					

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 87.510.052.880 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 37.735.619.010 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm và cuối năm	<u>10.927.367.800</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	4.489.420.445
Khấu hao trong năm	<u>3.622.469.472</u>
Số dư cuối năm	<u>8.111.889.917</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>6.437.947.355</u>
Tại ngày cuối năm	<u>2.815.477.883</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá của tài sản vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 689.746.800 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 689.746.800 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí sửa chữa lớn sà lan	16.747.060.766	33.494.121.535
Chi phí bảo hiểm	-	1.197.685.662
Chi phí khác	<u>169.192.996</u>	<u>303.764.444</u>
	<u>16.916.253.762</u>	<u>34.995.571.641</u>

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và năm trước như sau:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác VND	Doanh thu chưa thực hiện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	4.862.421.598	3.713.389.259	388.016.284	8.963.827.141
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(1.561.725.969)	(3.447.929.304)	2.938.227.687	(2.071.427.586)
Số dư đầu năm nay	<u>3.300.695.629</u>	<u>265.459.955</u>	<u>3.326.243.971</u>	<u>6.892.399.555</u>
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	6.334.945.855	152.915.045	(68.766.683)	6.419.094.217
Số dư cuối năm nay	<u>9.635.641.484</u>	<u>418.375.000</u>	<u>3.257.477.288</u>	<u>13.311.493.772</u>

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Saipem Asia Sdn Bhd	39.545.075.691	107.872.161.683
TL Offshore Sdn Bhd	242.109.710.855	263.724.256.796
Phải trả người bán khác	261.804.919.927	342.898.730.320
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	78.829.160.291	169.435.281.465
	<u>622.288.866.764</u>	<u>883.930.430.264</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.285.622.006	24.157.449.168
Thuế thu nhập cá nhân	2.390.868.780	1.929.344.053
Thuế nhà thầu	5.675.826.148	9.762.248.356
	30.352.316.934	35.849.041.577

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	5.306.893.504	5.306.893.504	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	805.642.630	805.642.630	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.157.449.168	26.983.020.916	28.854.848.078	22.285.622.006
Thuế thu nhập cá nhân	1.929.344.053	32.028.843.905	31.567.319.178	2.390.868.780
Thuế, phí phải nộp khác	-	1.796.338.550	1.796.338.550	-
Thuế nhà thầu	9.762.248.356	105.800.559.514	109.886.981.722	5.675.826.148
	35.849.041.577	172.721.299.019	178.218.023.662	30.352.316.934

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trích trước chi phí quản lý	686.926.651	160.009.867
Trích trước chi phí dự án	67.686.342.467	218.835.362.752
Trích trước chi phí khác	1.133.520.829	3.276.570.879
	69.506.789.947	222.271.943.498

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	72.105.423	20.754.335
Kinh phí công đoàn	774.239.196	606.304.025
Thuế TNCN phải nộp	2.823.825.214	3.585.210.746
Trích trước thuế nhà thầu	119.542.054	90.844.674
Phải trả Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	-	72.804.200.000
Cổ tức phải trả	1.164.172.000	964.322.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.476.464.247	26.653.579.835
	31.430.348.134	104.725.215.615

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Dự án Thái Bình - Hàm Rồng	9.844.800.000	-
Dự án Cải Tạo H4	-	2.564.557.472
Dự án HUC H5	-	4.094.120.675
b. Dài hạn		
Dự án Thái Bình - Hàm Rồng	-	9.844.800.000
Dự án HUC Sư Tử Trắng	15.969.483.983	-
Dự án HUC MLS	13.425.170.408	-
Dự án HUC Qatar	6.464.616.021	-
Dự án MLS FAB	2.474.137.012	-
	48.178.207.424	16.503.478.147

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	400.000.000.000	37.835.964.235	533.919.939.683	971.755.903.918
Lợi nhuận trong năm	-	-	121.729.819.908	121.729.819.908
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	40.000.000.000	(62.251.900.000)	(22.251.900.000)
Chi trả cổ tức	-	-	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	400.000.000.000	77.835.964.235	393.397.859.591	871.233.823.826
Lợi nhuận trong năm	-	-	56.894.378.457	56.894.378.457
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	230.907.000.000	(246.907.000.000)	(16.000.000.000)
Cổ tức công bố	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	308.742.964.235	143.385.238.048	852.128.202.283

Tại ngày 23 tháng 02 năm 2016, theo Quyết định số 0067/NG-HĐQT- LĐBD-HĐQT của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị phê duyệt phương án kết chuyển toàn bộ lợi nhuận còn lại của năm 2014 chưa phân phối tương ứng 230.907.000.000 đồng vào quỹ Đầu tư Phát triển.

Tại ngày 19 tháng 4 năm 2016, theo Nghị Quyết số 02/NQ-HĐQT-LĐBD-ĐHCD của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng Quản trị Công ty đã công bố chia cổ tức của năm 2015 và trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2015 với số tiền lần lượt là 60.000.000.000 đồng và 16.000.000.000 đồng. Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền 59.800.150.000 đồng cho các cổ đông của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần điều chỉnh, tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, tương đương với 40.000.000 cổ phần thường với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Vốn điều lệ đã được góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần			Vốn thực góp tại ngày	
		Số cổ phần	Tỷ lệ	Số tiền (VND)	31/12/2016	31/12/2015
					VND	VND
1.	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	33.980.700	85%	339.807.000.000	339.807.000.000	339.807.000.000
2.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	4.000.000	10%	40.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
3.	Cổ đông khác	2.019.300	5%	20.193.000.000	20.193.000.000	20.193.000.000
		40.000.000	100%	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ		
Đô la Mỹ	4.036.452	13.035.312

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Công ty hiện không có hơn một bộ phận nào hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý mà chỉ hoạt động ở một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là cung cấp các dịch vụ quản lý, điều hành hoạt động xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, vận hành, bảo dưỡng công trình dầu khí biển, cung ứng hàng hóa, nhân lực và chỉ ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

21. DOANH THU THUẦN VỀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung ứng lao động	93.113.422.019	6.491.065.155
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	77.033.802.566	244.704.716.314
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.387.120.732.909	3.702.780.371.610
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	210.086.280.082	212.355.970.496
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	93.420.100.312	152.114.532.762
	1.860.774.337.888	4.318.446.656.337
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	1.090.992.110.165	2.889.857.244.512
Doanh thu với bên thứ ba	769.782.227.723	1.428.589.411.825
	1.860.774.337.888	4.318.446.656.337

22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Dịch vụ cung ứng lao động	74.507.067.661	858.278.266
Dịch vụ cơ khí sửa chữa, bảo dưỡng	74.518.331.004	234.909.357.328
Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, tháo dỡ công trình biển	1.294.858.685.770	3.475.966.276.235
Dịch vụ quản lý lao động theo chính sách nhà thầu	196.569.001.489	188.825.351.717
Dịch vụ quản lý vận hành và bảo dưỡng	83.808.342.443	158.303.555.911
	1.724.261.428.367	4.058.862.819.457

23. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	27.615.481.529	369.827.173.384
Chi phí nhân công	314.280.045.274	312.516.186.399
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.475.772.500	118.968.452.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.257.639.522.212	3.458.173.723.829
Chi phí khác	11.718.289.551	9.635.957.998
	1.725.729.111.066	4.269.121.494.355

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.192.300.392	10.639.062.816
Lãi chênh lệch tỷ giá	17.251.296.635	39.621.844.141
	31.443.597.027	50.260.906.957

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	636.217.269	5.802.902.703
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.362.435.087	30.558.774.957
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	337.299.228
	15.998.652.356	36.698.976.888

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	265.180.000	280.639.050
Chi phí lương	9.391.791.198	10.069.213.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	14.558.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.532.112.298	7.451.128.790
Chi phí khác	215.957.788	34.314.000
	14.405.041.284	17.849.854.490

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	579.659.662	3.089.301.169
Chi phí lương	23.967.487.758	23.475.060.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.263.553.990	6.351.126.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.272.257.708	60.554.056.865
Chi phí khác	696.814.571	333.097.950
	60.779.773.689	93.802.642.753

28. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu từ thanh lý tài sản	541.169.326	469.944.761
Các khoản khác	334.096.611	2.586.387.735
Thu nhập khác	875.265.937	3.056.332.496
Chi phí khác	190.000.000	230.992.279
Lợi nhuận khác	685.265.937	2.825.340.217

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	23.911.905.630	40.517.362.429
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thêm cho năm trước	1.541.978.807	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung sau quyết toán năm trước	577.369.551	-
- Truy thu thuế 2014 theo điều chỉnh của Cục thuế Bà Rịa - Vũng Tàu	951.766.928	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26.983.020.916	40.517.362.429

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	77.458.305.156	164.318.609.923
<i>Trong đó:</i>		
Lợi nhuận trước thuế năm hiện hành	70.449.310.578	164.318.609.923
Lợi nhuận trước thuế năm trước	7.008.994.578	-
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ:		
Chi phí trích trước	6.658.678.147	22.101.916.356
Doanh thu không chịu thuế	1.327.299.776	16.879.042.087
Khác	1.859.826.505	1.763.710.380
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	58.956.022.000	60.595.888.123
Thu nhập tính thuế	126.568.522.728	184.169.829.223
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	119.559.528.150	184.169.829.223
Thu nhập tính thuế năm trước	7.008.994.578	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.453.884.437	40.517.362.429
<i>Trong đó:</i>		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	23.911.905.630	40.517.362.429
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thêm cho năm trước	1.541.978.807	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2015: 22%) trên thu nhập tính thuế.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.894.378.457	121.729.819.908
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	9.600.000.000	16.000.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	47.294.378.457	105.729.819.908
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	40.000.000	40.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.182	2.643

(*) Trong năm 2015, Công ty chưa quyết định trích quỹ khen thưởng phúc lợi và lãi cơ bản trên cổ phiếu là 3.043 đồng. Năm 2016 quỹ khen thưởng phúc lợi thực tế trích từ lợi nhuận sau thuế 2015 là 16.000.000.000 đồng do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh là 2.643 đồng.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển, và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	295.896.265.637	500.419.938.067
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	206.400.000.000	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	895.420.002.625	1.220.029.351.686
Phải thu ngắn hạn khác	17.369.399.814	25.881.353.930
Phải thu dài hạn khác	2.095.000.000	5.677.937.500
	1.417.180.668.076	1.752.008.581.183
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn	622.288.866.764	883.930.430.264
Chi phí phải trả ngắn hạn	69.506.789.947	222.271.943.498
Phải trả ngắn hạn khác	-	72.804.200.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	9.844.800.000	6.658.678.147
Phải trả dài hạn khác	-	36.514.800.000
Dự phòng phải trả dài hạn	38.333.407.424	9.844.800.000
	739.973.864.135	1.232.024.851.909

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

1-002
ANH
TY
HỮU
H
TE
AM
5CHI

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>266.842.509.427</u>	<u>789.034.450.842</u>	<u>324.438.983.762</u>	<u>536.500.605.031</u>

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>(2.879.823.717)</u>	<u>12.626.692.291</u>

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	295.896.265.637	-	295.896.265.637
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	206.400.000.000	-	206.400.000.000
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	895.420.002.625	-	895.420.002.625
Phải thu ngắn hạn khác	17.369.399.814	-	17.369.399.814
Phải thu dài hạn khác	-	2.095.000.000	2.095.000.000
	1.415.085.668.076	2.095.000.000	1.417.180.668.076
Phải trả người bán ngắn hạn	622.288.866.764	-	622.288.866.764
Chi phí phải trả ngắn hạn	69.506.789.947	-	69.506.789.947
Dự phòng phải trả ngắn hạn	9.844.800.000	-	9.844.800.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	38.333.407.424	38.333.407.424
	701.640.456.711	38.333.407.424	739.973.864.135
Chênh lệch thanh khoản thuần	713.445.211.365	(36.238.407.424)	677.206.803.941
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	500.419.938.067	-	500.419.938.067
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.220.029.351.686	-	1.220.029.351.686
Phải thu ngắn hạn khác	25.881.353.930	-	25.881.353.930
Phải thu dài hạn khác	-	5.677.937.500	5.677.937.500
	1.746.330.643.683	5.677.937.500	1.752.008.581.183
Phải trả người bán ngắn hạn	883.930.430.264	-	883.930.430.264
Chi phí phải trả ngắn hạn	222.271.943.498	-	222.271.943.498
Phải trả ngắn hạn khác	72.804.200.000	-	72.804.200.000
Dự phòng phải trả ngắn hạn	6.658.678.147	-	6.658.678.147
Phải trả dài hạn khác	-	36.514.800.000	36.514.800.000
Dự phòng phải trả dài hạn	-	9.844.800.000	9.844.800.000
	1.185.665.251.909	46.359.600.000	1.232.024.851.909
Chênh lệch thanh khoản thuần	560.665.391.774	(40.681.662.500)	519.983.729.274

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Thành viên Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
Các công ty thuộc Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	154.867.421.619	1.409.644.074.556
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	909.221.893.788	1.386.463.834.174
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	311.256.661	13.007.696.806
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	15.150.000
Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	2.699.657.378	3.197.056.850
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)	487.571.569	1.585.485.375
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	23.439.309.150	20.341.702.619
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu khí (PVTrans)	-	1.279.357.400
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	103.401.060
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	54.219.485.672

112
HI
CÔN
NH
EL
IET
TP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MÃU SỐ B 09-DN

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Mua hàng		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng	18.870.455	76.165.418
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	97.480.827	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	3.220.601.261	3.769.931.762
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi		376.043.979
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	14.842.282.892	129.793.161.047
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	3.338.320.217	725.987.707
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	39.375.659.930	66.019.218.158
Chi Nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	22.049.506.477	29.653.030.488
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	5.003.635.159	14.771.129.787
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ	-	171.066.776
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	7.268.170.000	8.417.366.264
	1.867.331.891	20.157.416.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai Bến Đình		
Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	97.188.000	128.100.000
Tổng Công ty Cổ phần Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	532.814.722	994.568.799
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	7.620.310.052	1.207.906.800
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	3.003.922.445	34.097.504.213
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	6.885.889.051	14.364.729.229
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	311.786.607	4.888.712.005
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	24.500.356.500
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	3.306.901.849	15.426.033.934
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	1.571.823	14.142.976
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Dầu Khí	5.500.000	30.000.000
Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	1.643.186.099	5.288.130.879
Chi nhánh Công ty CP Kết cấu Kim loại Và Lắp Máy Dầu Khí	1.114.654.000	-
Công ty Bảo hiểm PVI Phía nam	5.040.343.997	5.703.369.785
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	<u>47.779.252.109</u>	<u>52.101.579.005</u>

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị trong năm như sau:

	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Tổng thu nhập	<u>3.845.971.000</u>	<u>6.512.787.000</u>

00-0
HÀN
G TY
KHU
ITT
NAN
HỒ C

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	236.272.317	14.201.679.476
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	308.052.983.633	336.563.162.128
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	357.601.617.571	559.547.100.866
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	-	16.665.000
Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	-	654.493.986
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	-	45.650.000
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (BIENDONGPOC)	1.671.449.543	1.817.536.836
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP)	520.617.240	607.780.974
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	-	1.390.750.900
Công ty Bảo hiểm PVI Phía nam	357.395.643	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	15.522.913.117
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải trả		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí PTSC Đà Nẵng	2.617.500	14.700.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội	74.765.303	77.207.477
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	2.093.471.015	1.694.888.265
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	3.207.641.223	14.390.882.062
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	15.387.464.916	18.122.818.375
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí	27.786.371.486	62.861.404.524
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	8.896.966.940	30.952.785.060
Công ty Cổ phần Đầu Tư Dầu Khí Sao Mai Bến Đình	-	13.774.657.600
Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	3.233.533.976	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Dầu Khí	6.885.889.051	9.822.364.139
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí - Chi nhánh Vũng Tàu	164.656.800	103.950.000
Công ty cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	6.950.395.871	654.685.000
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam	-	575.211.600
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	15.644.775.240
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	2.576.301.542	733.888.875
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)	-	3.483.248
Công ty CP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí	1.226.119.400	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	342.965.268	-
Khách sạn Dầu khí Thái Bình - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đào tạo và Thương mại Dầu Khí Thái Bình	-	7.580.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ LẮP ĐẶT, VẬN HÀNH
VÀ BẢO DƯỠNG CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ BIỂN PTSC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN


	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Trả trước cho người bán		
Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam		
Công ty TNHH Cơ khí Hàng hải PTSC	9.680.290.712	9.680.290.712
Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>4.678.763.094</u>
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>23.095.103.246</u>	<u>18.670.181.058</u>
	Số cuối năm <u>VND</u>	Số đầu năm <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>14.301.809.730</u>	<u>25.136.431.996</u>
Phải trả ngắn hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>72.804.200.000</u>
Phải trả dài hạn khác		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>-</u>	<u>36.514.800.000</u>
	Năm nay <u>VND</u>	Năm trước <u>VND</u>
Cổ tức đã trả		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	<u>50.971.050.000</u>	<u>169.903.500.000</u>


33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

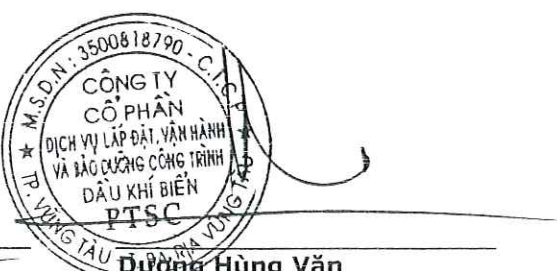
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 2.883.691.944 đồng (năm 2015: 114.666.667 đồng), là số lãi tiền gửi trong năm còn phải thu. Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi trong năm đã bao gồm số tiền VND 114.666.667 (năm 2015: VND 849.722.223), là số tiền lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong năm nay.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 1.164.172.000 đồng (năm 2015: 964.322.000 đồng), là số cổ tức còn phải trả. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.


Nguyễn Văn Sâm
Người lập biểu


Nguyễn Minh Ngọc
Kế toán trưởng


Dương Hùng Văn
Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

